

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/DSPT

Ngày: 29/4/2021

V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05, 14 và 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 31/2020/TLPT-DS ngày 30/11/2020 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐ-PT ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn CĐ, xã TP, huyện TD, tỉnh BN.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cung Văn T1, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn LA, xã SG, huyện GB, tỉnh BN (ông T1 vắng mặt ngày 29/4/2021).

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TD.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn H - Chức vụ: Phó Chủ tịch phụ trách điều hành UBND xã Tri Phương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quang T2 - Phó chủ tịch UBND xã TP(có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Thôn CĐ, xã TP, huyện TD, tỉnh BN do ông Đặng Công H - Chức vụ: Trưởng thôn (có mặt).

2. Ông Đào Tiến B, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã TP, huyện TD, tỉnh BN.

3. Ông Lê Đắc T3, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn CĐ, xã TP, huyện TD, tỉnh BN.

Người có kháng cáo: Ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Cung Văn T1 trình bày: Ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã TP phải bồi thường thiệt hại về vật chất và kinh tế cho ông từ năm 2001 đến năm 2019 với số tiền thiệt hại là 1.246.481.000đ. Lý do từ năm 2001 đến năm 2007, UBND xã TP và thôn CĐ cố tình gây thiệt hại kinh tế cho ông liên quan đến tiền xây dựng công trình cứng hóa kênh tưới loại III thôn CĐ, ông bị thiệt hại 118.227.000đ; đồng thời tại Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-KT ngày 20/5/2004 giữa thôn CĐ với ông có xác nhận của ông Phan Văn T4 thời kỳ đó là Chủ tịch UBND xã TP có giá trị đến ngày 07/8/2009 nH năm 2007 ông Đào Tiến B - Chủ tịch UBND xã TP đã tự ý chuyển nhượng khu bãi đất Đ cho Công ty NH gây thiệt hại cho ông 914.000.000đ. Đối với chính quyền thôn CĐ từ năm 2001 đến năm 2007 gây thiệt hại cho ông về kinh tế, lúc đó ông là chủ thầu các công trình xây dựng thôn CĐ, thiệt hại bị tổn thất là 214.254.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu UBND xã TP phải bồi thường tổng số tiền là 1.246.481.000đ bao gồm 02 khoản. Thứ nhất, phải bồi thường thiệt hại liên quan đến hợp đồng số 08/HĐ-KT ngày 20/5/2004 là 853.481.000đ. Thứ hai, bồi thường thiệt hại số tiền 393.000.000đ liên quan đến thỏa thuận của UBND xã TP về việc nợ ông Phạm Văn T theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 03/2009/QĐST-KT ngày 08/01/2009 của TAND huyện TD cùng biên bản hòa giải thành được lập ngày 31/12/2008 (số tiền 393.000.000đ liên quan đến 25 hợp đồng mà ông T đã làm cho thôn CĐ, xã TP trước đó, gồm cả khoản liên quan đến Công ty HH); nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tranh chấp về các hợp đồng mà chỉ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Nguyên đơn khẳng định không phải xuất trình những chứng cứ liên quan đến các hợp đồng kể trên.

Bị đơn UBND xã TP do ông Vũ Quang T2 đại diện trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến xây dựng các công trình trên địa bàn thôn CĐ từ năm 2001 đến năm 2007. Tại biên bản làm việc ngày 15/7/2008 giữa UBND xã TP và ông Phạm Văn T thỏa thuận thống nhất rút lại đơn khởi kiện tại TAND huyện TD để các bên tự giải quyết ở địa phương. Quá trình giải quyết vụ việc, hồ sơ các công trình mà ông T khởi kiện đã không cung cấp được đầy đủ văn bản để làm cơ sở thanh toán. Xét về thời hiệu khởi kiện đòi bồi thường, UBND xã TP thấy từ khi có kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh BN năm 2010, nguyên đơn biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại đã không có yêu cầu giải quyết tiếp đến nay đã 10 năm, do vậy yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 03/11/2009, nguyên đơn rút lại các tài liệu có liên quan tại UBND xã thể hiện không phối hợp thực hiện. Như vậy lỗi thuộc về phía nguyên đơn, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 21/8/2019, nguyên đơn khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến Hợp đồng số 08/HĐ-KT ngày 20/5/2004, UBND xã TP xác định hợp đồng này liên quan đến cải tạo bãi đất Đ, thôn CĐ. Tại thời điểm năm 2006 UBND xã TP nhận được nhiều đơn thư tố cáo về những sai phạm của Ban quản lý thôn và cá nhân ông Lê Đắc T3 (Trưởng thôn). Để giữ ổn định tình hình trong thôn, UBND xã TP đã thành lập tổ công tác giải quyết đơn kiến nghị của nhân dân, tại thời điểm này ông Phạm Văn T là em rể ông Lê Đắc T3 đang thực hiện một số công việc với Ban quản lý thôn CĐ về việc cải tạo hạ độ cao bãi Đ. Quá trình tổ công tác giải quyết gặp nhiều khó khăn, ngày 13/9/2006 tổ công tác đã có kết luận về việc giải quyết đơn kiến nghị của nhân dân thôn CĐ. Kết luận đã qua gần 14 năm, từ đó đến nay không có khiếu kiện gì, các thành phần đã tự nguyện thi hành. Nay ông T kiện ra tòa đòi bồi thường thiệt hại là không phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, liên quan đến khu bãi đất Đ và Hợp đồng chuyển nhượng bãi đất Đ giữa UBND xã TP và Công ty NH thì UBND xã TP khẳng định không có sự thỏa thuận về hợp đồng chuyển nhượng bãi đất Đ cho Công ty NH vì bãi đất Đ thôn CĐ, xã TP được giao cho Công ty NH theo Quyết định số: 256/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của UBND tỉnh BN về việc thu hồi đất và giao đất cho Công ty NH thuê để xây dựng cầu cảng bốc xếp, kinh doanh vật liệu xây dựng tại huyện TD với tổng diện tích thu hồi là 120.985 m². Diện tích bãi đất Đ mà nguyên đơn khởi kiện nằm trong diện tích đất thu hồi trên, đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường và thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng của các chủ sử dụng đất. UBND xã TP không có lỗi trong việc này nên không phải chịu trách

nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn bởi thời hiệu khởi kiện không còn và nguyên đơn khởi kiện không có căn cứ pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Tiến B trình bày: Ông khẳng định Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-KT ngày 20/5/2004 là do Ban quản lý thôn CĐ do ông Lê Đắc T3 (Trưởng thôn) ký với ông Phạm Văn T. Thời điểm đó, ông làm Xã đội trưởng nên không được tham gia và không biết hợp đồng kinh tế này. Đến tháng 6/2004, ông Phan Văn T4 chuyển sang làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã TP còn ông giữ chức Chủ tịch UBND xã. Đến năm 2007, UBND tỉnh BN có quyết định thu hồi toàn bộ diện tích khu bãi đất Đồng Tó. UBND xã TP đã thực hiện theo đúng quyết định thu hồi của UBND tỉnh và tiến hành giải quyết những quyền lợi cho những người liên quan. Thời điểm đó, UBND xã TP không tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với ông Phạm Văn T như nguyên đơn trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tập thể cán bộ thôn CĐ do ông Nguyễn Công H - Trưởng thôn trình bày: Thời điểm năm 2004 - 2005, ông có làm chủ thầu một phần khu ruộng thuộc đất Đồng Tó, ông Phạm Văn T không có bất kỳ cải tạo nào thuộc khu đất Đồng Tó này. Tháng 9/2006, ông làm Trưởng thôn CĐ, xã TP. Ông Lê Đắc T3 làm Trưởng thôn nhiệm kỳ trước không bàn giao giấy tờ sổ sách gì liên quan đến khu đất Đ. Đối với yêu cầu của ông T khởi kiện buộc chính quyền thôn CĐ phải trả ông T số tiền 214.227.000đ thuộc về trách nhiệm của Ban quản lý cũ do ông T3 làm Trưởng thôn. Trên thực tế trong biên bản kiểm kê tổng kết hết nhiệm kỳ 2001-2006 đã được thông qua ngày 10/5/2006 chỉ thể hiện khoản nợ ông T số tiền 5.000.000đ, thôn CĐ đã trả 3.000.000đ, còn nợ ông T 2.000.000đ. Không liên quan gì đến số tiền 214.227.000đ theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đắc T3 trình bày: Ông nguyên là Trưởng thôn CĐ, xã TP thời kỳ 2001-2006, lúc này ông có được UBND xã TP (do ông Phan Văn T4 đại diện ký) ủy quyền cho ông ký Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-KT ngày 20/5/2004 với ông Phạm Văn T. Sau khi ông T4 chuyển công tác khác, ông Đào Tiến B làm Chủ tịch UBND xã cùng ông Nguyễn Danh H1 là cán bộ địa chính xã đã tự ý chuyển nhượng khu bãi đất Đ đang có hợp đồng kinh tế với ông T để chuyển nhượng cho Công ty Nam Hồng. Việc UBND xã TP đã đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế trên trước thời hạn 02 năm với ông T là vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại cho ông T là đúng thực tế. Khi ông ký Hợp đồng số 08/HĐ-KT ngày 20/5/2004 với ông Phạm Văn T là ông đã đại diện cho chính quyền thôn CĐ được sự ủy quyền của UBND xã TP. Đến khi UBND xã TP tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với ông T thì ông đã nghỉ hưu. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/8/2020, ông T3 cung cấp bản sao biên bản bàn giao mặt bằng khu

bãi đất Đ được lập ngày 25/3/2004, ông T3 khẳng định đây là giấy ủy quyền của UBND xã TP cho ông được ký hợp đồng.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 6 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 584, 589, 590 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T buộc UBND xã TP phải bồi thường thiệt hại số tiền là 1.246.481.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên dương sự phải chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2020, ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 13/2020/ST- DS ngày 16/9/2020 của TAND huyện TD. Ông T phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T nộp trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện đòi UBND xã TP và Thôn CĐ, xã TP phải bồi thường thiệt hại về vật chất và kinh tế từ năm 2001 đến năm 2019 với số tiền là 1.246.481.000đ, sau đó thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ buộc UBND xã TP phải bồi thường thiệt hại số tiền 1.246.481.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là kiện đòi bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc UBND xã TP phải bồi thường số tiền 1.246.481.000đ NH không liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-KT và Hợp

đồng kinh tế số 83/HĐKT, mà yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[2]. Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu UBND xã TP phải bồi thường 1.246.481.000đ, bao gồm tiền bồi thường thiệt hại liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-KT ngày 20/5/2004 do thôn CĐ ký với ông Phạm Văn T số tiền 853.481.000đ và 393.000.000đ liên quan đến công trình xây dựng mà ông T đã làm cho thôn CĐ trước đó và khoản tiền liên quan đến Công ty HH đã được Tòa án nhân dân huyện TD ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình đã xử bác toàn bộ yêu cầu kiện của ông Phạm Văn T.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2020 ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm xử chưa khách quan, toàn diện gây thiệt thòi cho nguyên đơn.

Xét kháng cáo của ông Phạm Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt quá trình tố tụng từ khi khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu UBND xã TP bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng liên quan đến việc thu hồi diện tích đất khu Đ, thôn CĐ, xã TP mà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp về Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-KT ngày 20/5/2004 giữa đại diện Thôn CĐ và ông Phạm Văn T. Xem xét nội dung kháng cáo này của ông T thì thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh được ông Phan Văn T4 (nguyên Chủ tịch UBND xã TP) xác định Ủy ban chỉ đồng ý cho thôn CĐ đi tìm đối tác chứ không phải ủy quyền, tuy nhiên ông có ký vào Hợp đồng số 08 là để xác nhận chữ ký của các bên chứ ông không ký xác nhận nội dung của hợp đồng và UBND xã không được chính quyền thôn CĐ bàn giao sổ sách liên quan đến dự án cải tạo khu Đ, thôn CĐ. Mặt khác, sau khi đại diện thôn CĐ ký hợp đồng với ông T thì cũng không có việc bàn giao mặt bằng khu đất. Ngoài ra, cấp sơ thẩm tiến hành xác minh những người có tên trong Hợp đồng số 08/HĐ-KT thì ông Đặng Công D (nguyên Trưởng xóm 3, thôn CĐ), ông Đặng Công Đ (Bí thư Chi bộ thôn CĐ) đều xác định các ông không có mặt và không tham gia ký hợp đồng. Các ông khẳng định ông T không thực hiện bất kỳ việc cải tạo nào đối với khu đất Đ; đối với ông Nguyễn Văn N5 (Kế toán HTX) cũng có tên trong hợp đồng số 08 ông không biết và không tham gia khi ký hợp đồng, ông cũng không biết UBND xã có ủy quyền cho Thôn ký hợp đồng kể trên hay không. Về số tiền 1.870.800.000đ trong hợp đồng là tiền chủ đầu tư đã chi trả cho những người có đất bị thu hồi, còn số tiền đặt cọc thì ông không biết và không thu. Ông không biết biên bản bàn giao mặt bằng được lập ngày 25/3/2004. Đối với những phiếu thu tiền của thôn CĐ đối với ông Phạm Văn T, tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Đắc T7

(nguyên Trưởng thôn) trình bày Thôn đã chi trả cho những hộ dân có ruộng, ông không cung cấp được sổ sách, chứng từ về việc sử dụng số tiền trên nên không có căn cứ buộc UBND xã phải bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Văn T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp bản chính Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-KT ngày 20/5/2004 ký giữa thôn CĐ với ông T nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không giao nộp vì cho rằng nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chứ không yêu cầu giải quyết tranh chấp Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-KT.

Như vậy, ông Phạm Văn T không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thiệt hại về kinh tế liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-KT nên Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông T là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 393.000.000đ là số tiền liên quan đến các hợp đồng xây dựng nguyên đơn đã làm cho thôn CĐ. Theo nguyên đơn trình bày thì bị đơn là UBND xã TP đã nhận nợ khoản tiền trên và việc này đã được Tòa án nhân dân huyện TD ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2009/QĐST-KT ngày 08/01/2009. Tuy nhiên, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự này đã bị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh BN hủy theo Quyết định giám đốc thẩm số 02/2010/DS-GĐT ngày 03/8/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh BN. Mặt khác, người đại diện của UBND xã TP thời điểm đó cũng không ký hợp đồng với ông T liên quan đến việc xây dựng kênh tưới và đường giao thông nông thôn mà ký với Công ty TNHH HH. Về nội dung này ông Nguyễn Văn H là Giám đốc Công ty TNHH HH cũng xác định không ủy quyền cho ông Phạm Văn T nghiệm thu công trình và không liên quan gì đến ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng kinh tế số 83/HĐKT ngày 25/02/2003 giữa đại diện bên giao thầu là ông Lê Đắc T7 - Trưởng thôn và bên nhận giao thầu là ông Phạm Văn T, ông T không cung cấp được hồ sơ thanh quyết toán nên cũng chưa đủ cơ sở để xác định trách nhiệm bồi thường. Như vậy, không có căn cứ xác định thiệt hại của nguyên đơn nên bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền 393.000.000đ là có căn cứ pháp luật.

Như vậy, ông T không đưa ra căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 6 Điều 26; Điều 35, 39, 147, 148, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 584, 589, 590 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T buộc Ủy ban nhân dân xã TP phải bồi thường thiệt hại số tiền là 1.246.481.000đ.

Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu 49.394.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Phạm Văn T đã nộp 21.483.000đ tại biên lai thu số 0000040 ngày 25/12/2019 và 5.356.000đ tại biên lai thu số 0000035 ngày 24/12/2019. Ông Phạm Văn T còn phải nộp 22.555.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002544 ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TD.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Văn Tính